

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu nhựa - hóa chất với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2402 tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

KDH, DXG

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị bán giảm tỷ trọng các vị thế ngắn hạn và chỉ mua lại trong nhịp điều chỉnh sau đó hoặc khi rủi ro tạo đỉnh đã được giảm thiểu.

06/02/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,188.48	+0.20
VN30	1,199.17	+0.15
HĐTL VN30F1M	1,203.90	+0.12
HNXIndex	230.63	+0.15
HNX30	492.59	+0.11
UPCoM	88.86	+0.37
USD/VND	24,370	-0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.32	+0
Lãi suất qua đêm (%)	2.36	+90
Dầu (WTI, \$)	72.68	-0.14
Vàng (LME, \$)	2,024.31	-0.04



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,188.48 (+0.20%)  
**KLGD (triệu CP)** 566.2 (-21.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 600.1 (-23.8%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu nhựa - hóa chất với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 410.13 tỷ đồng, tập trung tại VHM (-0.61%), GEX (-0.24%), HPG (+0.18%).

**HNXIndex** 230.63 (+0.15%)  
**KLGD (triệu CP)** 84.5 (+16.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 71.5 (+30.3%)

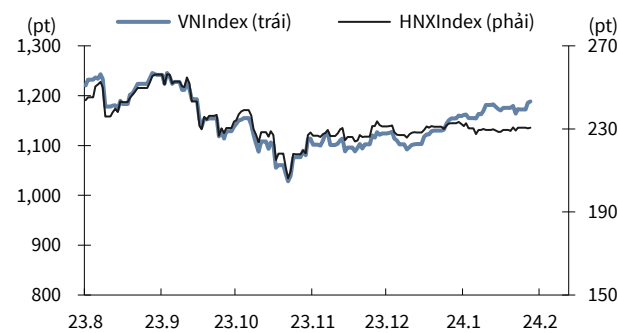
Ghi nhận 9h sáng ngày 6/2, giá dầu Brent được giao dịch ở mức 78.13 USD/thùng, tăng 0.14 USD, tương đương 0.18% so với phiên ngày hôm qua. Cổ phiếu nhóm Dầu khí tăng giá ở PVS (+2.45%), PVD (+1.77%).

**UPCoM** 88.86 (+0.37%)  
**KLGD (triệu CP)** 21.9 (-49.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 14.4 (-19.2%)

Giá thép cây giao kỳ hạn tháng 10/2024 trên sàn giao dịch Thượng Hải hôm nay giảm 31 Nhân dân tệ, xuống mức 3,790 Nhân dân tệ/tấn. Cổ phiếu nhóm Thép giảm giá ở NKG (-0.21%), TLH (-0.25%).

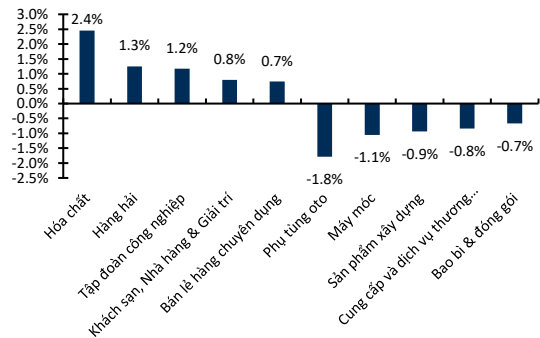
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -19.6

VNIndex & HNXIndex



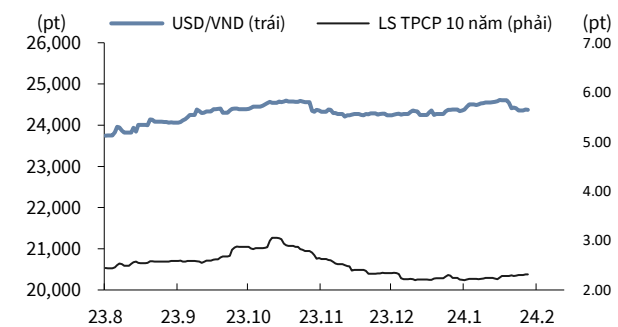
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



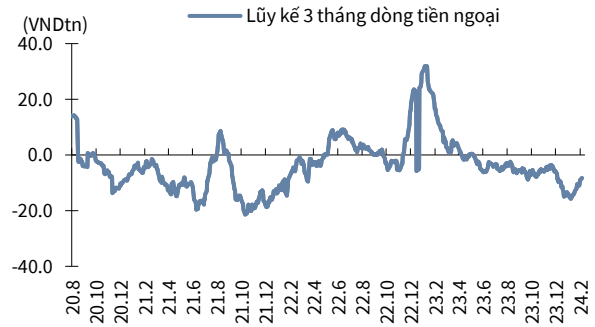
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

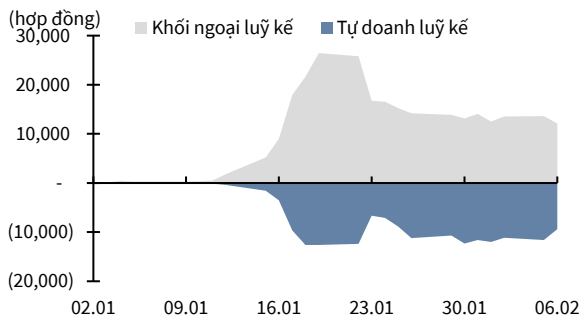
<b>VN30</b>	<b>1,199.17 (+0.15%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,203.9 (+0.12%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,201.4</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,206.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,200.5</b>

**KLGD (HĐ)**      **117,362 (-33.0%)**

HĐTL VN30F2402 tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2402 và VN30 mở cửa ở mức 4.64 điểm, sau đó biến động quanh mức 4 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 4.66 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

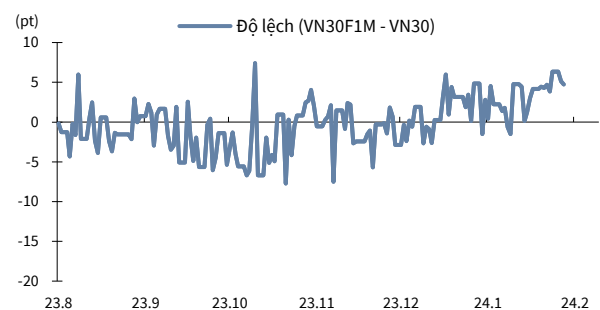
Khối ngoại bán ròng 1,526 HĐTL VN30F2402 tuy nhiên đang duy trì vị thế mua lũy kế 12,091 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 2,213 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 9,391 hợp đồng.

## Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



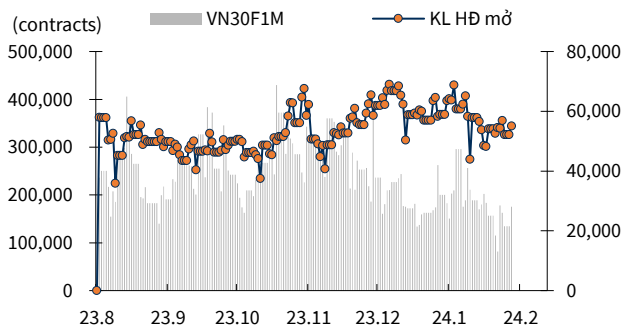
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



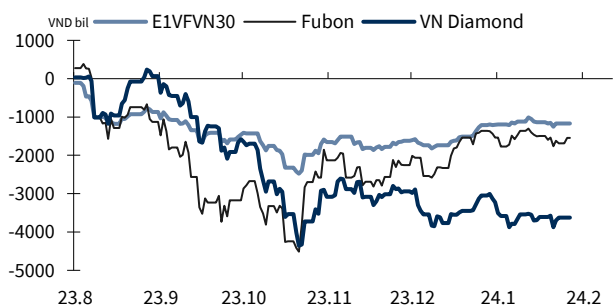
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

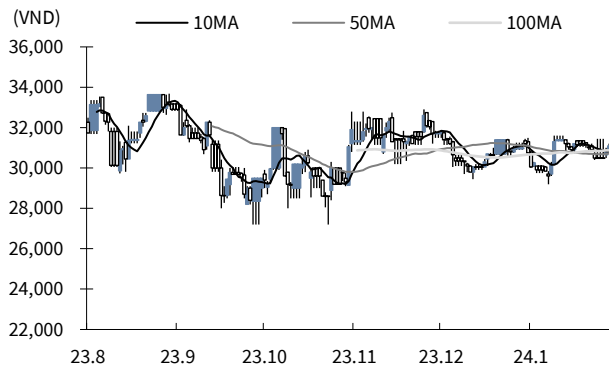
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

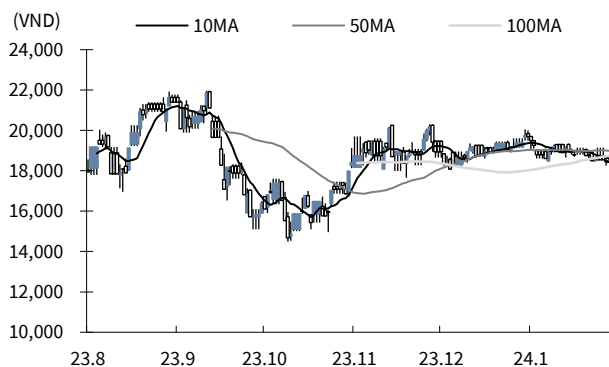
## CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KDH tăng 0.81% lên 31,100 VND/cp
- Trong BCTC hợp nhất quý IV/2023, CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền cho biết đã tăng mạnh tiền chiết khấu thanh toán và chi phí hỗ trợ khách hàng. Đây là khoản tiền giảm trừ cho khách hàng khi thanh toán trước tiền mua nhà cùng các chính sách thanh toán ưu đãi khác. Cụ thể, tiền chiết khấu thanh toán tăng 92% YoY lên gần 56 tỷ đồng trong quý IV và tăng 77% lên gần 143 tỷ đồng trong năm. Chi phí hỗ trợ khách hàng ghi nhận hơn 42 tỷ đồng trong quý IV (cùng kỳ không có) và tăng 65% lên hơn 117 tỷ đồng cho cả năm.

## CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DXG đóng cửa tại mức tham chiếu 18,450 VND/cp
- Trong năm tài chính 2023, CTCP Tập đoàn Đất Xanh đạt 3,706 tỷ đồng doanh thu thuần và hơn 176 tỷ đồng lãi ròng, lần lượt giảm 33% và 44% YoY. Kết quả này tương ứng với 67.4% kế hoạch doanh thu và vượt 1.1% kế hoạch lợi nhuận năm. Riêng ở quý cuối năm, doanh thu thuần tăng trưởng hơn 53% khi đạt 1,400 tỷ đồng. Lãi ròng hơn 47 tỷ đồng, cải thiện so với mức lỗ ròng 342 tỷ đồng ở cùng kỳ.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp tăng điểm đầu phiên, VNIndex diễn biến rung lắc giằng co sát về ngưỡng tham chiếu, trước khi lấy lại được một phần thành quả tăng điểm về cuối phiên.
- Với việc chỉ số hình thành mẫu nến spinning biên độ hẹp cho thấy sự giằng co giữa 2 phe trong phiên giao dịch. Mặc dù vậy, VNIndex vẫn đang vận động trong vùng cản quanh 1185 (+-10) và quán tính tăng điểm đã có phần suy yếu. Do đó, rủi ro tạo đỉnh ngắn hạn trong những phiên tới vẫn cần được chú ý.
- NĐT được khuyến nghị bán giảm tỷ trọng các vị thế ngắn hạn và chỉ mua lại trong nhịp điều chỉnh sau đó hoặc khi rủi ro tạo đỉnh đã được giảm thiểu.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1212 – 1216

Kháng cự gần: 1205 – 1207

Hỗ trợ gần: 1191 – 1195

Hỗ trợ xa: 1182 – 1185

- F1 diễn biến giằng co với biên độ hẹp và thanh khoản suy yếu.
- Nhịp tăng điểm ngày hôm nay đi kèm với biên độ tăng hẹp, cũng như bóng nền phía trên ngắn hơn nhiều so với phiên trước, cho thấy sự phản ứng ít quyết liệt hơn của cả 2 phe. F1 vẫn đang vận động trong cận trên của vùng cản quanh 1195 (+-10) và kịch bản tạo đỉnh ngắn hạn chỉ được giảm thiểu nếu chỉ số có thể vượt qua được cận trên của vùng kháng cự mà không chịu một nhịp thoái lui rõ nét ngay sau đó.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên Short tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế Short đã mở.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

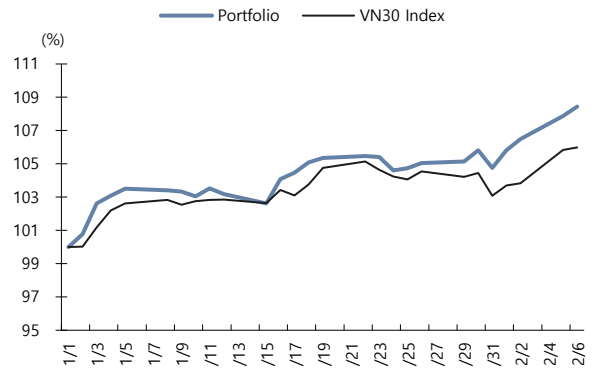
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.15%	0.53%
Tăng lũy kế (YTD)	5.98%	8.44%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/02/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	35,000	0.1%	28.9%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuận (PNJ)	11/01/2023	91,000	0.0%	26.4%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
FPT (FPT)	01/02/2024	104,100	0.6%	8.6%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	15,500	0.0%	22.6%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	27,850	0.2%	28.9%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Military Bank (MBB)	01/02/2024	23,050	0.4%	22.3%	- Tăng trưởng tín dụng tích cực là động lực thúc đẩy lợi nhuận - NIM duy trì mức cao nhờ lợi thế dẫn đầu CASA - Định giá hấp dẫn so với triển vọng dài hạn, P/B hiện tại chỉ 1.0x
Nhon Trach 2 (NT2)	01/02/2024	25,400	0.4%	3.3%	- NT2 tiếp tục hưởng lợi từ El Nino - Nhà máy đã hoàn thành đại tu và sẵn sàng huy động trở lại - Nguy cơ thiếu khí vận hành dự kiến được giảm thiểu trong 2024
Hai An Transport (HAH)	12/01/2023	40,400	1.8%	11.4%	- Giá cước có thể tăng do vấn đề liên quan tới thời tiết và lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HCKD
Coteccons (CTD)	01/02/2024	66,500	2.6%	-1.8%	- Mảng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30% - Ước tính chi phí dự phòng FY2024 ở mức 104 tỷ VND giúp cải thiện LNST
Mobile World (MWG)	01/02/2024	47,000	-0.8%	10.7%	- Tiếp tục cuộc chiến giá ở mảng ICT&CE, đánh đổi lợi nhuận để chiếm thêm thị phần - Bách Hoá Xanh có nhiều tín hiệu tích cực, kỳ vọng là động lực tăng trưởng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIX	1.1%	7.4%	11.7
NLG	0.9%	44.1%	39.4
DGC	5.3%	17.8%	82.2
FRT	3.4%	34.7%	4.4
HCM	1.3%	30.1%	10.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.6%	22.3%	87.8
GEX	-0.2%	12.3%	55.3
HPG	0.2%	25.0%	67.8
VCB	-0.6%	23.6%	43.9
MSN	-0.2%	27.9%	46.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	1.6%	1.9%	0.0
DTD	0.7%	1.0%	0.3
DHT	0.4%	34.6%	0.9
VGS	2.3%	0.4%	0.0
CEO	-0.5%	5.2%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-3.3%	12.0%	56.0
MBS	-1.5%	0.8%	13.2
BVS	-0.4%	7.6%	3.6
EID	2.9%	0.0%	4.2
PVS	2.5%	19.8%	9.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ	8.7%	FPT, CMG, ELC
Hóa chất	5.9%	GVR, DGC, DPM, DCM
Bán lẻ hàng chuyên dụng	5.3%	MWG, FRT, CTF, HAX
Bao bì & đóng gói	4.0%	TDP, SVI, MCP, TPC
Chứng khoán	3.3%	SSI, VND, HCM, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-4.0%	TLG, ILB, APC, ST8
Thương mại & phân phối	-1.7%	VPG, TSC, BTT, TNA
Cơ sở hạ tầng & vận tải	-1.4%	GMD, LGC, CII, HAH
Quản lý & phát triển bất động sản	-1.0%	VHM, VIC, NVL, BCM
Hàng không dân dụng	-1.0%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	11.4%	MWG, FRT, CTF, HAX
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	9.0%	AST, VNG, DSN, DAH
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	8.3%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Phụ tùng oto	7.0%	DRC, CSM, PAC, TNC
Công nghệ	6.6%	FPT, CMG, ELC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-7.1%	SAB, BHN, SMB, SCD
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-7.0%	TLG, ILB, APC, ST8
Tiện ích điện	-3.7%	PGV, NT2, PPC, TTA
Đồ gia dụng	-3.6%	TTF, GDT, EVE, SAV

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	85,546 (3.5)	22.5	72.7	28.9	14.7	0.6	2.6	1.4	1.4	0.2	-0.9	-4.1	-5.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	222,463 (9.1)	26.6	5.0	4.2	35.9	17.7	18.0	0.9	0.8	-0.6	-2.4	-4.9	-5.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	151,898 (6.2)	17.8	11.6	10.5	-7.6	10.9	11.4	1.2	1.1	-0.5	-7.3	-7.1	-6.9
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	307,998 (12.6)	31.3	-	34.1	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	1.5	4.9	2.4	1.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	52,196 (2.1)	11.6	25.4	25.1	13.7	8.2	7.4	1.7	1.7	0.8	0.3	0.3	-1.0
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	195,104 (8.0)	13.9	47.0	32.2	-	2.7	3.7	1.2	1.2	0.0	-1.6	-4.9	-4.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	115,098 (4.7)	6.3	13.4	11.7	11.7	19.4	18.3	2.4	2.1	-0.6	-1.6	3.8	11.5
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	88,927 (3.6)	12.7	11.7	9.4	-5.3	19.0	19.0	2.0	1.6	0.3	0.7	9.7	12.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	202,437 (8.3)	0.0	5.8	4.7	14.3	15.4	16.0	0.8	0.7	0.4	1.3	7.4	12.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	293,912 (12.0)	1.4	8.6	6.9	50.3	16.9	18.4	1.3	1.1	1.5	6.8	18.6	26.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	236,036 (9.6)	0.0	9.0	6.7	18.8	11.3	13.7	1.0	0.9	0.5	-2.0	0.5	0.5
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	451,128 (18.4)	0.0	5.3	4.6	14.6	23.1	22.9	1.1	0.9	0.4	4.3	12.4	23.6
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	140,167 (5.7)	4.2	5.6	5.7	23.3	23.1	18.9	1.2	1.0	1.5	5.3	12.2	13.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	541,335 (22.1)	14.0	5.9	4.8	26.5	21.0	22.3	1.1	0.9	0.7	0.3	5.1	10.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	178,811 (7.3)	0.0	5.0	3.9	37.4	17.1	18.1	1.0	0.9	-0.3	-1.1	0.6	4.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	257,427 (10.5)	0.2	-	-	27.3	11.4	12.4	-	-	-0.5	-3.4	-1.1	1.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	16,450 (0.7)	21.0	17.4	15.2	15.8	8.0	8.8	1.4	1.3	0.1	0.2	2.8	4.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	4,422 (0.2)	14.2	9.2	8.0	9.1	12.5	13.5	0.9	0.9	-0.2	0.9	1.4	3.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	678,035 (27.7)	55.4	22.4	18.6	-3.2	10.0	11.5	2.3	2.2	0.1	2.5	2.5	6.7
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	217,579 (8.9)	71.9	27.6	20.5	-4.0	13.4	14.2	3.0	2.9	2.1	6.5	5.4	4.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	163,966 (6.7)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	1.3	1.3	11.0	14.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	363,966 (14.9)	27.2	19.0	14.3	36.3	10.7	11.8	1.7	1.6	-0.5	1.1	-0.9	-0.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	160,659 (6.6)	42.1	15.6	14.3	4.0	29.6	31.0	4.3	4.6	-0.6	1.0	-1.7	0.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	40,913 (1.7)	36.9	17.4	16.5	7.3	19.6	19.4	3.3	3.1	0.5	0.2	-7.4	-9.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	128,215 (5.2)	16.5	40.3	23.0	-51.9	7.8	15.5	3.3	2.8	-0.2	-2.0	-4.6	-3.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	37,788 (1.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-4.2	-18.8	-26.8	-17.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	68,232 (2.8)	11.0	24.7	15.1	-88.5	13.7	17.9	3.2	2.6	-0.8	-1.0	-2.9	-3.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	62,886 (2.6)	10.8	18.8	16.3	-57.0	12.9	14.3	2.2	2.0	0.3	-0.7	-3.0	-2.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	221,772 (9.1)	38.4	23.4	-	65.7	3.8	-	-	-	-0.5	-0.8	7.6	6.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	235,031 (9.6)	37.7	25.2	20.8	-14.4	8.9	7.2	1.4	1.3	-0.2	-3.4	-4.5	-10.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	112,498 (4.6)	3.6	28.1	28.8	-52.4	2.7	2.7	0.8	0.8	2.6	-3.8	-5.0	-3.3
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	29,349 (1.2)	0.0	8.7	8.4	-4.5	13.0	14.0	1.1	1.1	1.3	-0.4	-2.1	-1.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	51,895 (2.1)	46.1	15.2	13.9	-17.5	17.2	16.4	2.4	2.2	0.7	-0.9	-1.9	0.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	22,800 (0.9)	31.4	37.1	15.3	-10.5	7.1	12.8	1.7	1.6	0.4	-2.9	3.3	3.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,271 (0.1)	34.1	7.4	5.4	-5.1	13.2	14.5	1.1	-	0.0	0.4	-7.4	-7.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	599,232 (24.5)	18.0	13.4	10.7	21.9	12.1	13.1	1.5	1.3	0.2	0.2	0.9	0.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	55,698 (2.3)	36.5	15.8	14.2	-0.5	7.8	7.9	1.1	1.0	0.0	-0.6	-1.6	0.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	92,223 (3.8)	46.5	10.3	10.7	-4.5	16.7	15.1	1.4	1.6	1.4	2.8	1.9	1.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	283,184 (11.6)	38.9	17.7	9.8	67.9	7.5	13.6	1.2	1.1	0.0	-0.2	3.4	1.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	37,710 (1.5)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.0	2.9	11.8	12.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	18,083 (0.7)	4.6	13.1	12.3	-51.0	12.6	12.2	1.6	1.5	0.4	-0.1	-1.4	0.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	114,712 (4.7)	39.9	14.1	9.7	-11.9	7.5	10.4	1.0	1.0	1.8	2.9	3.4	1.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	83,402 (3.4)	35.9	7.8	7.1	2.2	14.9	15.9	1.1	1.0	0.6	-0.2	-0.2	0.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	373,238 (15.3)	0.0	26.7	16.5	14.4	9.4	14.2	2.7	2.5	-0.8	3.5	7.2	9.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	107,114 (4.4)	0.0	14.9	13.1	2.4	20.7	20.1	2.7	2.4	0.0	-0.4	9.1	5.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	8,965 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.5	0.5	-10.0	-14.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	71,695 (2.9)	30.3	44.7	22.5	-75.2	22.8	30.7	8.7	7.2	3.3	8.6	19.9	15.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	17,472 (0.7)	34.6	18.2	12.1	41.2	13.1	18.9	2.3	2.0	0.0	3.3	6.9	7.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,576 (0.1)	45.4	13.8	13.9	10.7	20.2	19.2	2.7	2.5	0.0	-0.8	-1.8	1.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	180,874 (7.4)	0.0	17.7	14.4	15.5	27.5	28.7	4.5	3.9	0.6	8.9	6.9	8.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tienss@kbsec.com.vn

#### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

